

Số: /2026/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn, thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BCT ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp, cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 149/TTr-SCT ngày 12/01/2026 và trên cơ sở ý kiến thống nhất của các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10/3/2026.

2. Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Quy chế phối hợp quản lý đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và Quyết định số 2902/2011/QĐ-UBND ngày 13/9/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Quy chế phối hợp quản lý đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Tổ chức thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình QN;
- V0-4; các CVNCTH; HC-QT-TV;
- Lưu: VT, CN. CV.40.3

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Ánh

QUY CHẾ**Quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh***(Ban hành kèm theo Quyết định số...../2026/QĐ-UBND**ngàytháng.....năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)***Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

a) Quy chế này quy định trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

b) Các nội dung khác có liên quan đến công tác quản lý cụm công nghiệp không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (sau đây gọi là chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp);

c) Các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp (sau đây gọi là nhà đầu tư thứ cấp);

d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến quản lý, đầu tư và hoạt động của cụm công nghiệp (sau đây gọi là đơn vị có liên quan).

Điều 2. Nguyên tắc quản lý và phương thức phối hợp**1. Nguyên tắc phối hợp:**

a) Việc quản lý cụm công nghiệp phải được thực hiện trên cơ sở phối hợp chặt chẽ và phân công trách nhiệm rõ ràng giữa các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị có liên quan, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp; đồng thời bảo đảm tính thống nhất, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong quá trình đầu tư, sản xuất kinh doanh tại cụm công nghiệp.

b) Hoạt động phối hợp được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cụm công nghiệp và đơn vị có liên quan. Trong quá trình phối hợp không được chồng chéo nhiệm vụ, không làm giảm vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền và không cản trở công việc của mỗi cơ quan.

c) Các cơ quan tham gia phối hợp phải cử người có thẩm quyền, đủ năng lực chuyên môn và bố trí thời gian phù hợp để thực hiện công tác phối hợp; chịu trách nhiệm về nội dung công việc thuộc phạm vi được phân công.

2. Phương thức phối hợp:

Tùy theo tính chất, nội dung công việc, cơ quan chủ trì sẽ quyết định theo thẩm quyền hoặc chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan để giải quyết. Việc phối hợp được thực hiện bằng các phương thức sau:

a) Trách nhiệm của cơ quan chủ trì:

- Tổ chức các cuộc họp hoặc gửi văn bản để lấy ý kiến của các cơ quan phối hợp về nội dung cần giải quyết.

- Sau khi lấy ý kiến, hướng dẫn hoặc xử lý kiến nghị liên quan đến cụm công nghiệp, cơ quan chủ trì gửi một bản thông tin hoặc kết quả xử lý cho Sở Công Thương để theo dõi, tổng hợp vào cơ sở dữ liệu quản lý cụm công nghiệp và phối hợp thực hiện khi cần thiết.

- Khi cần thiết, tổ chức đoàn khảo sát, kiểm tra, để xem xét, giải quyết các nội dung liên quan đến dự án đầu tư, phát triển cụm công nghiệp.

b) Trách nhiệm của cơ quan phối hợp:

- Đối với nội dung công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình, cơ quan phối hợp có trách nhiệm tham gia góp ý đầy đủ tại cuộc họp do cơ quan chủ trì tổ chức và chịu trách nhiệm về ý kiến góp ý đó. Trường hợp không thể tham dự cuộc họp, cơ quan phối hợp phải góp ý bằng văn bản gửi cơ quan chủ trì trong thời hạn được yêu cầu. Nếu cơ quan phối hợp không có ý kiến hoặc không cử đại diện tham gia theo yêu cầu, được xem như thống nhất với kết luận của cuộc họp và phải chấp hành các nội dung đã được thống nhất.

- Trường hợp được lấy ý kiến bằng văn bản, cơ quan phối hợp phải trả lời bằng văn bản trong thời hạn quy định. Nếu quá thời hạn mà không có văn bản phản hồi thì được hiểu là đã đồng ý với nội dung lấy ý kiến; đồng thời cơ quan không phản hồi kịp thời phải chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung công việc có liên quan thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo phương án mà cơ quan chủ trì đề xuất.

Chương II

NỘI DUNG QUẢN LÝ, PHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 3. Xây dựng và tổ chức thực hiện pháp luật về cụm công nghiệp

1. Nội dung

Xây dựng quy chế quản lý Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; xây dựng và thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp; phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện quy định pháp luật liên quan đến đầu tư, phát triển và hoạt động của Cụm công nghiệp theo quy định của Nghị định số 32/2024/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

a) Sở Công Thương chủ trì, tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện các quy định pháp luật về cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm hướng dẫn, giải quyết các thủ tục theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình; tham gia góp ý các chính sách có liên quan trong cụm công nghiệp.

Điều 4. Xây dựng, tích hợp phương án phát triển cụm công nghiệp

1. Nội dung

a) Phương án phát triển cụm công nghiệp là một nội dung của quy hoạch tỉnh; được xây dựng và tích hợp vào quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch. Việc xây dựng phương án phát triển cụm công nghiệp phải đảm bảo sử dụng hiệu quả đất đai, nguồn lực, gắn với bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế – xã hội địa phương.

b) Cơ sở xây dựng phương án phát triển cụm công nghiệp được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP.

c) Nội dung chủ yếu của phương án phát triển cụm công nghiệp được thực hiện theo điểm a, b, d, đ, e, g khoản 2 Điều 4 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP và khoản 2 Điều 6 Quyết định số 71/2025/QĐ-UBND ngày 08/9/2025 của UBND tỉnh về việc phân cấp quản lý an toàn thực phẩm; phân cấp thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa; quy định cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ; quy định việc tổ chức thực hiện các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực quản lý nhà nước về phát triển cụm công nghiệp.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị liên quan xây dựng, hoàn thành phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về phương án phát triển cụm công nghiệp.

Điều 5. Điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp

1. Nội dung

a) Cơ sở điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp được thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm c Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP và khoản 3 Điều 6 Quyết định số 71/2025/QĐ-UBND.

b) Nội dung báo cáo điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị liên quan xây dựng, hoàn thành báo cáo điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp.

Điều 6. Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

1. Nội dung

a) Việc thành lập cụm công nghiệp phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP và điểm a, b khoản 4 điều 6 Quyết định số 71/2025/QĐ-UBND. Việc mở rộng cụm công nghiệp phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 8 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP và điểm c khoản 4 Điều 6 Quyết định số 71/2025/QĐ-UBND.

b) Hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp gồm thành phần theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 9 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP và khoản 5 Điều 6 Quyết định số 71/2025/QĐ-UBND.

c) Nội dung chủ yếu của Báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP.

d) Trình tự thành lập, mở rộng cụm công nghiệp thực hiện theo khoản 1, 2, 3 điều 10 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP, Điều 11 Nghị định số 139/2025/NĐ-CP và khoản 6 Điều 6 Quyết định số 71/2025/QĐ-UBND.

đ) Công tác thẩm định hồ sơ thực hiện theo quy định như sau:

- Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, Sở Công Thương có văn bản gửi xin ý kiến thẩm định của các Sở, Ban, ngành có liên quan (trong đó dự kiến thời gian kiểm tra thực tế khu vực đề nghị thành lập cụm công nghiệp và thời gian gửi ý kiến tham gia của các cơ quan được xin ý kiến đảm bảo ít nhất 05 ngày làm việc).

- Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, trên cơ sở tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan liên quan về hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, Sở Công Thương ban hành văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, đồng thời gửi Trung tâm hành chính công tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với đơn vị đề nghị làm chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và nộp lại Trung tâm hành chính công trong thời gian tối đa 10 ngày làm việc và thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ

sơ không tính vào thời gian thẩm định. Trường hợp cần thêm thời gian để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản gửi Sở Công Thương đề nghị gia hạn thời gian thực hiện nhưng tối đa không quá 10 ngày làm việc. Sau thời hạn trên, trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Sở Công Thương sẽ trả hồ sơ và kết thúc thẩm định hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

- Sau khi nhận được hồ sơ được bổ sung, hoàn thiện từ Ủy ban nhân dân cấp xã, trường hợp cần thiết Sở Công Thương sẽ xin ý kiến lần 2 đối với các cơ quan có liên quan. Thời gian xin ý kiến lần 2 tối đa không quá 05 ngày làm việc và thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định. Trên cơ sở ý kiến tham gia lần 2, Sở Công Thương có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Sau thời hạn trên, trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Sở Công Thương sẽ trả hồ sơ và kết thúc thẩm định hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

- Trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ được Ủy ban nhân dân cấp xã bổ sung, hoàn thiện hoặc trường hợp hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp nhận được ý kiến thống nhất của các cơ quan được xin ý kiến, Sở Công Thương báo cáo Chủ tịch Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập) để thực hiện chấm điểm lựa chọn chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

Việc chấm điểm lựa chọn chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP và quy chế làm việc của Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp. Thời gian hoàn thành công tác chấm điểm tối đa là 05 ngày kể từ ngày Hội đồng nhận được báo cáo của Sở Công Thương.

Sở Công Thương thông tin kết quả chấm điểm lựa chọn chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp tới Ủy ban nhân dân cấp xã để thông báo tới đơn vị đề nghị làm chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

- Sau khi hoàn thành công tác chấm điểm và đã lựa chọn được chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, Sở Công Thương gửi 01 bộ hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp kèm báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

a) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 10 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP, Điều 11 Nghị định số 139/2025/NĐ-CP; thực hiện giải trình, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều này; thông tin kết quả chấm điểm lựa chọn chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật

cụm công nghiệp tới đơn vị đề nghị làm chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

b) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, cơ quan có liên quan thẩm định hồ sơ; gửi xin ý kiến đánh giá của các Sở chuyên ngành theo quy chế làm việc của Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (nếu có); báo cáo Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện chấm điểm lựa chọn chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; thông tin kết quả chấm điểm lựa chọn chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp tới Ủy ban nhân dân cấp xã; hoàn thành báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

c) Các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng tham gia ý kiến đối với hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; gửi ý kiến đánh giá của Sở chuyên ngành theo quy chế làm việc của Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (nếu có).

d) Các Sở, Ban, ngành, đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

Điều 7. Điều chỉnh, bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

1. Nội dung

Việc điều chỉnh quyết định thành lập/mở rộng cụm công nghiệp hoặc bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp đã thành lập (do không triển khai hoặc vì lý do khác), thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

a) Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp hoặc theo yêu cầu thực tiễn báo cáo đề xuất việc điều chỉnh quyết định thành lập/mở rộng cụm công nghiệp hoặc bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp đã thành lập.

b) Sở Công Thương chủ trì phối hợp cùng các Sở, Ban, ngành và các cơ quan có liên quan tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc điều chỉnh, bãi bỏ theo thẩm quyền.

Điều 8. Triển khai công tác chuẩn bị, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp sau khi có quyết định thành lập, mở rộng Cụm công nghiệp

1. Lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện bảng tiến độ tổng thể của Dự án

a) Nội dung

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thành lập hoặc mở rộng cụm công nghiệp, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp xây dựng và phê duyệt bảng tiến độ tổng thể của dự án. Sau khi được

phê duyệt, chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm gửi bảng tiến độ này đến Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp xã và các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan để phục vụ công tác quản lý, giám sát và phối hợp thực hiện.

b) Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

- Sở Công Thương chủ trì hướng dẫn chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp xây dựng và thực hiện các nội dung của Bảng tiến độ tổng thể của dự án; thường xuyên đôn đốc việc thực hiện đúng tiến độ đã cam kết; đồng thời kịp thời có văn bản gửi các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị liên quan để phối hợp, hỗ trợ chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trong quá trình chuẩn bị đầu tư, giải phóng mặt bằng và triển khai thi công dự án.

- Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với Sở Công Thương trong việc hướng dẫn, giám sát chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp xây dựng bảng tiến độ tổng thể của dự án; tổ chức tuyên truyền, vận động người dân, hộ gia đình trong vùng dự án đồng thuận, hỗ trợ công tác giải phóng mặt bằng; kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền các khó khăn, vướng mắc phát sinh tại địa phương để xử lý, bảo đảm tiến độ triển khai dự án.

- Các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trong việc thực hiện các thủ tục liên quan đến chuẩn bị đầu tư, giải phóng mặt bằng và triển khai thi công dự án; kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc theo từng lĩnh vực quản lý.

2. Trình tự đầu tư và quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

a) Nội dung

Trình tự đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp được thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP. Quản lý Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP.

b) Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

- Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp chịu trách nhiệm thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư và triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo đúng quy định của pháp luật.

- Các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn, giải quyết kịp thời các thủ tục thuộc thẩm quyền, bảo đảm tiến độ triển khai dự án.

3. Lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp

a) Nội dung

Việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp được thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP và các quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn, pháp luật về xây dựng.

b) Trách nhiệm cơ quan, đơn vị

- Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp theo quy định; bảo đảm sự phù hợp với Hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan.

- Các cơ quan được giao thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp (Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Quảng Ninh, Ủy ban nhân dân cấp xã), trong quá trình thẩm định hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng, điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng, có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Công Thương về sự phù hợp của quy hoạch chi tiết xây dựng với Hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

Sau khi phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng hoặc điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp xã/Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Quảng Ninh/Sở Xây dựng có trách nhiệm gửi 01 (một) bản Quyết định phê duyệt kèm theo thuyết minh và bản vẽ quy hoạch về Sở Công Thương để theo dõi, tổng hợp và quản lý chung.

Điều 9. Tiếp nhận và thực hiện dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp

1. Nội dung

a) Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư sản xuất kinh doanh hoặc di dời cơ sở vào cụm công nghiệp liên hệ với chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp để được hướng dẫn cụ thể về: quy hoạch mặt bằng, ngành nghề được phép hoạt động, giá thuê đất hoặc nhà xưởng, kho bãi, văn phòng; các dịch vụ công cộng, tiện ích hiện có; thủ tục triển khai dự án đầu tư vào cụm công nghiệp. Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và nhà đầu tư thứ cấp thỏa thuận nguyên tắc về việc thuê lại đất hoặc thuê nhà xưởng, cơ sở hạ tầng trong cụm công nghiệp (vị trí, diện tích, thời hạn thuê, giá cả và các điều kiện liên quan) phù hợp với quy hoạch chi tiết và quy chế quản lý cụm công nghiệp.

b) Nhà đầu tư thứ cấp thực hiện các thủ tục quy định thực hiện dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp bao gồm: Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi (nếu có), thẩm định công nghệ hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư (nếu có), giấy phép xây dựng (nếu có); thẩm định, thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy; phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường...

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

a) Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp: Có trách nhiệm công khai quy hoạch chi tiết xây dựng, danh mục ngành nghề thu hút vào cụm công nghiệp, giá thuê đất, nhà xưởng, kho bãi và các dịch vụ tiện ích kèm theo. Hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư thứ cấp hoàn thiện các thủ tục đầu tư theo quy định; phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thẩm định, kiểm tra và xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến dự án đầu tư trong cụm công nghiệp.

b) Sở Tài chính: Tiếp nhận, hướng dẫn và xử lý thủ tục đăng ký đầu tư, cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án trong cụm công nghiệp theo đúng ngành nghề.

c) Sở Nông nghiệp và Môi trường: Thực hiện thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường/cấp giấy phép môi trường (đối với các dự án đầu tư, cơ sở không thuộc nhóm III quy định tại phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, đã được sửa đổi, bổ sung tại mục 5 phụ lục được ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ); Thực hiện thẩm định, trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp giấy phép môi trường (đối với các dự án đầu tư, cơ sở thuộc nhóm III quy định tại phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, đã được sửa đổi, bổ sung tại mục 5 phụ lục được ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

d) Sở Xây dựng: Thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu, nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy theo thẩm quyền; phối hợp cùng Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý quy hoạch, xây dựng trong Cụm công nghiệp (chỉ được thực hiện theo đúng quy định pháp luật; Nghiêm cấm các hành vi lợi dụng, trục lợi và các hành vi trái thẩm quyền, vi phạm quy định pháp luật, quy định về phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực có liên quan, gây ảnh hưởng, hậu quả).

đ) Công an tỉnh: Thẩm định thiết kế và nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo thẩm quyền đối với các Dự án đầu tư trong Cụm công nghiệp. Thực hiện công tác quản lý về phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định pháp luật.

e) Sở Công Thương: Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi các dự án đầu tư thứ cấp theo thẩm quyền, bao gồm nội dung thẩm định thiết kế và nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy nếu thuộc phạm vi quản lý (chỉ được thực hiện theo đúng quy định pháp luật; Nghiêm cấm các hành vi lợi dụng, trục lợi và các hành vi trái thẩm quyền, vi phạm quy định pháp luật, quy định về phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực có liên quan, gây ảnh hưởng, hậu quả); phối hợp với các sở, ban, ngành trong việc hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan trong cụm công nghiệp.

g) Ủy ban nhân dân cấp xã: Thực hiện các thủ tục về cấp giấy phép xây dựng, quản lý xây dựng, bảo vệ môi trường của các Dự án đầu tư trong Cụm công nghiệp theo đúng quy định pháp luật.

Điều 10. Quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích

1. Nội dung

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP và điều 11 Nghị định số 139/2025/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

a) Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm tổ chức cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp; xây dựng, phê duyệt Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trước khi tiếp nhận tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh vào cụm công nghiệp không trái quy định của pháp luật và gửi Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp xã 01 bản chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt để theo dõi, quản lý; trường hợp đã có tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp thì trước khi phê duyệt Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích phải lấy ý kiến tổ chức, cá nhân trong cụm công nghiệp.

Đối với các Cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động và đã xây dựng và phê duyệt Quy chế quản lý các các dịch vụ công cộng, tiện ích, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt cụm công nghiệp để theo dõi, quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã: Thực hiện chức năng giám sát, theo dõi việc cung cấp dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp trên địa bàn; tiếp nhận, xử lý hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết các kiến nghị, khiếu nại, tranh chấp liên quan đến dịch vụ công cộng, tiện ích theo đúng quy định.

c) Sở Công Thương: Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức cung cấp dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến quản lý, vận hành hệ thống tiện ích trong cụm công nghiệp.

Điều 11. Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác thông tin báo cáo

1. Nội dung

a) Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp được thực hiện theo quy định tại Điều 24 của Nghị định số 32/2024/NĐ-CP.

b) Công tác thông tin báo cáo thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 14/2024/TT-BCT và Điều 29 Thông tư số 38/2025/TT-BCT.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, tổ chức cá nhân có liên quan thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại khoản 1 điều này.

Trường hợp cụm công nghiệp nằm trên địa bàn từ hai xã trở lên, Sở Công Thương có trách nhiệm tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giao một Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm chính trong công tác quản lý hoạt động của cụm công nghiệp và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định.

Điều 12. Một số hoạt động khác liên quan đến quản lý, phát triển cụm công nghiệp

1. Công tác đầu tư hạ tầng kết nối

a) Nội dung

Thực hiện đầu tư, nâng cấp hạ tầng kết nối, đặc biệt là đường giao thông đến Cụm công nghiệp.

b) Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cụm công nghiệp có trách nhiệm rà soát, đề xuất danh mục công trình hạ tầng giao thông kết nối để đưa vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh, bảo đảm phù hợp với tiến độ thu hút đầu tư và đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật của cụm công nghiệp.

- Sở Tài chính chủ trì tổng hợp, tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh đưa danh mục đề xuất vào kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm của tỉnh.

- Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp phối hợp với UBND cấp xã tổ chức thực hiện đầu tư các công trình hạ tầng giao thông đã được phê duyệt.

- Sở Công Thương có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc tiến độ đầu tư hạ tầng kết nối phục vụ cụm công nghiệp, bảo đảm đồng bộ với hạ tầng nội bộ cụm.

2. Công tác quản lý môi trường

a) Nội dung

Việc quản lý môi trường trong cụm công nghiệp bao gồm: xây dựng và vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung; lắp đặt hệ thống quan trắc môi trường tự động liên tục; giám sát việc thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; kiểm soát chất thải, khí thải và tiếng ồn trong khu vực cụm công nghiệp, bảo đảm tuân thủ theo đúng quy định pháp luật.

b) Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

- Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp: Có trách nhiệm đầu tư xây dựng, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung và hệ thống quan trắc môi trường tự động; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong phạm vi cụm công nghiệp; giám sát, đôn đốc các doanh nghiệp thứ cấp trong cụm tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường.

- Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn, kiểm tra chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, chủ cơ sở trong cụm công nghiệp theo quy định tại điểm a

khoản 4 Điều 49 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Công tác phòng cháy và chữa cháy

a) Nội dung

Thực hiện việc lập, quản lý và cập nhật hồ sơ về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; tổ chức kiểm tra công tác phòng cháy, chữa cháy; tổ chức diễn tập, huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

b) Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

- Ủy ban nhân dân cấp xã, Công an tỉnh, chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các nhà đầu tư thứ cấp trong cụm công nghiệp: Thực hiện đầy đủ việc lập, quản lý và cập nhật hồ sơ về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP; tổ chức kiểm tra, tự kiểm tra định kỳ, thường xuyên theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP; phối hợp trong công tác tuyên truyền, huấn luyện, diễn tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm duy trì lực lượng, phương tiện, trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy tại chỗ, sẵn sàng ứng phó khi có sự cố xảy ra.

- Sở Công Thương là cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện lập và quản lý hồ sơ về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với các cơ sở trong Cụm công nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP; tổ chức kiểm tra định kỳ theo quy định tại Điều 13 Nghị định 105/2025/NĐ-CP; phối hợp với lực lượng Công an và UBND cấp xã trong kiểm tra, giám sát, hướng dẫn thực hiện quy định về phòng cháy, chữa cháy trong quá trình đầu tư xây dựng, vận hành hạ tầng cụm công nghiệp.

4. Công tác quản lý lao động

a) Nội dung: Thực hiện quản lý nhà nước về lao động trong các cụm công nghiệp; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định của pháp luật về lao động, việc làm, an toàn, vệ sinh lao động, các chế độ, chính sách đối với người lao động. Theo dõi, thống kê, cập nhật tình hình sử dụng lao động, biến động lao động trong các doanh nghiệp hoạt động tại cụm công nghiệp; phối hợp giải quyết tranh chấp lao động, đình công; thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra, xử lý tai nạn lao động và vi phạm quy định pháp luật về lao động.

b) Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cụm công nghiệp, chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các nhà đầu tư thứ cấp tổ chức thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về lao động, việc làm, an toàn, vệ sinh lao động; cập nhật, quản lý hồ sơ lao động tại đơn vị; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình sử dụng, biến động lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, an toàn lao động và

quan hệ lao động theo quy định. Chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động, giải quyết tranh chấp lao động, đình công và xử lý tai nạn lao động tại cơ sở.

- Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Bộ luật Lao động và các quy định của pháp luật có liên quan; thực hiện kiểm tra, điều tra tai nạn lao động, giải quyết tranh chấp lao động, đình công trong phạm vi, thẩm quyền được giao; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động trong các cơ sở hoạt động tại cụm công nghiệp.

- Sở Công Thương thực hiện theo dõi, nắm bắt tình hình lao động, việc làm, an toàn vệ sinh lao động và quan hệ lao động trong các cụm công nghiệp.

5. Quản lý an ninh trật tự và an toàn xã hội

a) Nội dung: Tổ chức lực lượng bảo vệ; kiểm soát nội bộ; phối hợp giữa chính quyền địa phương, cơ quan công an, chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và doanh nghiệp để phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật, gây mất an ninh trật tự; tuyên truyền, vận động người lao động và nhân dân chấp hành nghiêm các quy định pháp luật, tạo môi trường đầu tư an toàn, ổn định.

b) Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

- Công an tỉnh: Chủ trì đảm bảo an ninh, trật tự trong cụm công nghiệp; chỉ đạo Công an cấp xã nắm tình hình, xử lý các vụ việc phát sinh; phối hợp chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai phương án bảo vệ.

- Ủy ban nhân dân cấp xã: Phối hợp với Công an, chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và nhà đầu tư thứ cấp duy trì an ninh trật tự; tuyên truyền, vận động người dân và người lao động chấp hành pháp luật.

- Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp: Tổ chức lực lượng bảo vệ, kiểm soát nội bộ; phối hợp chặt chẽ với chính quyền và Công an xử lý vụ việc an ninh trong cụm công nghiệp.

- Các cơ sở trong cụm công nghiệp: Tổ chức bảo vệ nội bộ; đảm bảo an ninh trong doanh nghiệp; phối hợp với chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và Công an xử lý tình huống phát sinh.

Điều 13. Công tác kiểm tra, thanh tra

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP và Điều 11 nghị định số 139/2025/NĐ-CP, cụ thể:

Việc kiểm tra, thanh tra chuyên ngành đối với các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất kinh doanh thực hiện theo kế hoạch do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và được thực hiện thường xuyên không quá một lần trong một năm trừ

khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra phối hợp với Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp xã và chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện công tác phòng ngừa, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong cụm công nghiệp.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm chủ trì, phối hợp tổ chức thực hiện Quy chế theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Khi các văn bản được viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quy định, chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm: Chủ động tổ chức quản lý, giám sát, kịp thời nắm bắt tình hình, phát hiện, xử lý triệt để các nội dung liên quan đến Quyết định này đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định pháp luật, tuyệt đối không xảy ra tiêu cực, thất thoát, lãng phí và các sai phạm khác.

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế này yêu cầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tuân thủ theo đúng quy định pháp luật; chỉ được thực hiện khi đã đảm bảo theo đúng quy định; Nghiêm cấm các hành vi lợi dụng, trục lợi và các hành vi trái thẩm quyền, vi phạm quy định pháp luật, quy định về phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực có liên quan, gây ảnh hưởng, hậu quả; Trường hợp phát sinh các khó khăn, vướng mắc cần phải sửa đổi hoặc điều chỉnh theo đúng quy định, phù hợp tình hình thực tế, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời bằng văn bản gửi về các cơ quan thẩm quyền để được xem xét, giải quyết theo quy định hoặc gửi Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đối với các nội dung thuộc thẩm quyền./.